

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 05 - 2024

"*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**

2. Bà **Trần Thị Thu Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Triệu Thị Ngọc Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 05 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 619/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Cẩm T**, sinh năm 1999 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp P, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Quang Chí T1**, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2023 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị Cẩm T trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 do quen biết, tự nguyện tìm hiểu nhau được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V vào ngày 11/9/2017.

Sau ngày cưới chị T, anh T1 sống chung với gia đình cha mẹ ruột của anh T1 tại ấp T, thị trấn V được vài tháng thì chị T và anh T1 về sinh sống bên gia đình cha mẹ ruột của chị T tại ấp P, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T1 không chăm lo cho đời sống kinh tế gia đình, dẫn đến thường hay cãi nhau, tình cảm dành cho nhau không còn, trước đây chị T đã gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh T1 nhưng cũng đã rút lại yêu cầu khởi kiện để cho anh T1 cơ hội sửa chữa nhưng anh T1 vẫn không thay đổi, hiện nay giữa chị T và anh T1 đã không còn sống chung từ năm 2023 cho đến nay.

Chị T thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Quang Chí T1.

2. Về con chung của vợ chồng: Có 02 người con chung tên Quang Ngọc Ái T2, sinh ngày 22/5/2017 và Quang Ngọc Yến T3, sinh ngày 17/6/2019. Hiện nay đang sống chung với chị T, sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ái T2 và Yến Thu, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Ngô Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Ngô Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn ý kiến, yêu cầu gì khác.

** Theo bảng khai ý kiến ngày 28 tháng 03 năm 2024 bị đơn anh Quang Chí T1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 thống nhất theo lời trình bày của chị Ngô Thị Cẩm T về quá trình hình thành hôn nhân.

Giữa anh T1, chị T không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng dẫn đến chị T phải yêu cầu ly hôn với anh T1. Hiện nay chị T đã dắt con về sống gia đình cha mẹ ruột của chị T từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay, anh T1 đã nhiều lần yêu cầu chị quay về hàn gắn tình cảm nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh T1 thì anh T1 không đồng ý, do anh T1 vẫn còn thương vợ con, muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Quang Ngọc Ái T2, sinh ngày 22/5/2017 và Quang Ngọc Yến T3, sinh ngày 17/6/2019. Hiện nay đang sống chung với chị T, trường hợp Tòa án giải quyết cho anh T1 và chị T ly hôn thì anh T1 đồng ý giao hai cháu Quang Ngọc Ái Tuyền và Quang Ngọc Yến T3 cho chị T nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: anh Quang Chí T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: anh Quang Chí T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Ngô Thị Cẩm T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình với anh Quang Chí T1. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Bị đơn anh Quang Chí T1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T1.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Ngô Thị Cẩm T và anh Quang Chí T1 do quen biết tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND thị trấn V, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 11/9/20217 nên hôn nhân giữa chị T, anh T1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét thấy, chị T và anh T1 đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống hôn nhân, anh chị đã sống ly thân trong thời gian dài, trước đây chị T đã có nộ đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T1 nhưng đã rút lại cho anh cơ hội sửa chữa nhưng chị T, anh T1 vẫn không hàn gắn đoàn tụ được, đã cho thấy hôn nhân giữa chị T, anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hiện nay chị T, anh T1 cũng không còn tình cảm với nhau nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Cẩm T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: chị Ngô Thị Cẩm T và anh Quang Chí T1 xác định có 02 người con chung tên Quang Ngọc Ái T2, sinh ngày 22/5/2017 và Quang Ngọc Yên T3, sinh ngày 17/6/2019. Hiện nay đang sống chung với chị T, chị T và anh T1 thống nhất sau khi ly hôn giao hai cháu Quang Ngọc Ái T2, và Quang Ngọc Yên T3 cho chị Cẩm T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: chị Ngô Thị Cẩm T và anh Quang Chí T1 thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung phải thu, phải trả: chị Ngô Thị Cẩm T và anh Quang Chí T1 thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Ngô Thị Cẩm T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Cẩm T.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thị Cẩm T được ly hôn với anh Quang Chí T1.

[2] Về con chung: Giao hai con chung tên Quang Ngọc Ái T2, sinh ngày 22/5/2017 và Quang Ngọc Yến T3, sinh ngày 17/6/2019 cho chị Ngô Thị Cẩm T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Ngô Thị Cẩm T không yêu cầu anh Quang Chí T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản chung: Chị Ngô Thị Cẩm T và anh Quang Chí T1 thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về nợ chung phải thu, phải trả: chị Ngô Thị Cẩm T và anh Quang Chí T1 thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Ngô Thị Cẩm T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008617 ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Ngô Thị Cẩm T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Anh Quang Chí T1 không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA tỉnh V;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện V;
- UBND thị trấn V;
- Các đương sự;
- Lưu.

Huỳnh Văn Vui

